

Kính thưa

Quý vị hậu duệ Phan Thanh Giản,
Toàn thể quý quan khách và Ban Tổ chức,

Trước hết tôi xin lỗi vì lý do ngoài ý muốn nên rất tiếc không thể sang tham dự buổi lễ tưởng niệm 150 năm cụ Phan Thanh Giản tuần tiết. Tôi thành thật cảm ơn ban tổ chức đã tạo điều kiện để tôi có thể tham gia vào phần thuyết trình và thảo luận trong buổi lễ ngày hôm nay.

Kính thưa quý vị.

Phan Thanh Giản là một danh nhân của vùng đất Bến Tre. Cuộc đời ông là những ngày tháng trắc trở, gian truân từ lúc sinh ra cho đến cuối đời. Ông là vị Tiến sĩ Nho học đầu tiên và duy nhất của đất Nam kỳ, phụng sự 3 triều vua: Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. 41 năm (1826 - 1867) Ông phụng sự đất nước và dân tộc là thời điểm của cao trào chủ nghĩa thực dân và ngoại giao bằng tàu chiến và súng đạn. Các nước phương Tây sau cuộc ‘Cách mạng Kỹ nghệ’ thành công đã đưa nhau tràn sang Châu Á tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa, chiếm cứ đất đai để khai thác tài nguyên bản địa phục vụ cho nền kỹ nghệ chính quốc. Ba chữ G “God, Gold, and Glory” (Thượng Đế, Vàng và Vinh Quang) hàm chứa trọn vẹn âm mưu, tham vọng, và lý do thúc đẩy các quốc gia phương Tây xâm chiếm các xứ nhược tiểu để làm bá chủ và tự do truyền đạo.

Bi kịch cuối đời của cụ Phan Thanh Giản gắn liền với giai đoạn các tỉnh Nam kỳ bị thực dân Pháp xâm chiếm (1862-1867), mà đỉnh điểm là việc ba tỉnh miền Tây Nam kỳ gồm Vĩnh Long, An Giang, và Hà Tiên lọt vào tay quân xâm lăng Pháp lúc ông đang được giao trọng trách Kinh lược sứ trấn giữ các tỉnh này. Thành mất, cụ Phan đã chọn cho mình cái chết như một vị tướng trung liệt.

Nhắc đến cái chết của cụ Phan khiến tôi bồi ngùi xúc động nhớ lại hình ảnh bà nội tôi 70 năm về trước, lau chùi nước mắt mỗi khi nghe xong bộ đĩa hát “ Phan Thanh Giản tuần tiết”. Hỏi sao lại khóc, bà lặng lẽ trả lời: “Tội nghiệp Ông Cố quá”. Thực hư ra sao và gần xa thế nào của mối liên hệ này thật tình tôi không rõ, tuy nhiên có một sự ngẫu nhiên đầy thích thú là tên họ Phan Thanh Giản ít nhiều đánh dấu từng giai đoạn của cuộc đời tôi: hết thời thơ ấu học trường làng và ở chung nhà với người Bà, thỉnh thoảng mở “dàn máy hát” để Bà nghe lại cuộc đời cụ Phan; lên trung học xuống Cần Thơ mỗi ngày theo đường Phan Thanh Giản cấp sách đến trường Trung học Phan Thanh Giản; vào đại học yêu cô nữ sinh viên Kim Chung học cùng phân khoa Dược và cô ta, nay là hiền thê của tôi, ở trọ trong căn nhà ở đường Phan Thanh Giản; tốt nghiệp đại học được trưng tập vào binh chủng quân y, phục vụ nhiều năm trong một bệnh viện ở Cần Thơ có tên là Quân Y Viện Phan Thanh Giản, một đơn vị chăm sóc chữa trị thương bệnh binh quân lực Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu để gìn giữ an ninh lãnh thổ miền Tây Nam phần Việt Nam. Sau ngày 30/04/1975 tên họ Phan Thanh Giản ở mọi nơi đều bị xóa mất, nhưng sợi dây vô hình liên kết đời tôi với cụ Phan vẫn không bị đứt đoạn vì hình ảnh và công đạo của cụ được gói gém trọn vẹn trong nguyện vọng của tôi, tha thiết mong thấy danh dự cụ được phục hồi, và đây là một phần của đề tài

Tưởng niệm Kinh lược sứ Phan Thanh Giản: Tấm gương sáng cho hậu thế

được trình bày với 4 điểm chính sau đây:

- Mất 6 tỉnh Nam kỳ và những chính sách sai lầm của vua Tự Đức và Triều đình Huế
- Xử trăm hậu cụ Phan: Bản án bất công và oan nghiệt
- Cần Thơ với nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản
- Nhân phẩm Phan Thanh Giản và những bài học cho các thế hệ sau

1. Mất 6 tỉnh Nam kỳ vào tay quân Pháp và những chính sách sai lầm của vua Tự Đức và Triều đình Huế

Triều Nguyễn có những đóng góp to lớn vào việc thống nhất đất nước, mở rộng bờ cõi, nhưng cũng chính trong triều đại này, đặc biệt dưới thời vua Tự Đức, Việt Nam bị thực dân Pháp thôn tính, trước tiên là 6 tỉnh Nam kỳ. Nguyên nhân chính của việc mất nước, được các nhà sử học và học giả đồng ý là nhà Nguyễn đã thi hành một số chính sách sai lầm, tai hại nhất là ‘bế quan tỏa cảng và “cấm đạo, sát đạo”’.

Lỗi lầm này rất hiển nhiên nếu chúng ta so sánh những chính sách ngoại giao, ngoại thương của Nhật Bản, Thái Lan với những đường lối điều hành việc nước của Trung Hoa và Việt Nam vào giữa thế kỷ thứ XIX trước làn sóng xâm lăng của các nước phương Tây.

1.1 Nhật Bản.

Vào tháng 8 năm 1853, đề đốc Perry của hải quân Hoa Kỳ với 4 hắc thuyền tiến vào vịnh Edo mang thư của Tổng Thống Fillmore yêu cầu Nhật Bản mở cửa giao thương và hẹn 1 năm sau sẽ trở lại để nhận trả lời từ phía Nhật Bản. Không đợi đến đúng một năm, mà sáu tháng sau đề đốc Perry hối hả trở lại với 10 chiến thuyền và 1600 binh sĩ để làm áp lực và một hiệp ước thuộc loại bất bình đẳng được ký kết giữa chính quyền Mạc phủ của Nhật Bản và Hoa kỳ. Qua hiệp ước này Nhật Bản thấy được sự yếu kém của mình nên nhanh chóng tiến hành canh tân xứ sở, và sau 15 năm từ một đất nước phong kiến Nhật Bản tiến lên hàng cường quốc, bảo toàn được xứ sở khỏi cao trào xâm lăng của phương Tây.

1.2 Thái Lan

Vào năm 1855, khi Ông John Bowring, Thống đốc Hồng Kông, xuất hiện trên một chiến hạm ở cửa sông Chao Phraya, Hoàng đế Mongkut (Rama IV) nhanh chóng ký Hiệp ước Bowring, hủy bỏ độc quyền thương mại của nhà vua, bãi bỏ thuế nhập khẩu, tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc buôn bán của Anh Quốc ở Thái Lan. Những hiệp ước tương tự cũng được ký với nước Phổ (Đức), Áo và Hung Gia Lợi. Ký các hiệp ước tuy bất bình đẳng này, nhưng giúp Thái Lan hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, biến Thái Lan trở thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa của phương Tây và những sản phẩm của Thái Lan

như gạo, khoáng sản và gỗ liêm cũng được xuất khẩu sang phương Tây. Vì thế các quốc gia phương Tây không cần phải xâm chiếm Thái Lan.

Nhật Bản và Thái Lan mở cửa còn Trung Hoa và Việt Nam phản ứng ra sao?

1.3 Trung Hoa

Nhà Mãn Thanh dứt khóa từ chối đòi hỏi của chính phủ Anh được quyền tự do buôn bán nha phiến từ Ấn Độ thuộc Anh, từ đó xảy ra hai cuộc chiến tranh Nha phiến và Trung Hoa thảm bại nên phải công nhận thương quyền buôn nha phiến của ngoại quốc và buộc phải ký nhiều hiệp ước bất bình đẳng. Hồng Kông bị cắt làm nhượng địa cho Anh quốc, Ma Cao trở thành thuộc địa của Bồ Đào Nha.

1.4 Việt Nam

1.4.1 Vương triều Nguyễn và vua Tự Đức

Từ lâu đời là một chư hầu của Trung Hoa, nên trong điều hành quốc sự, vua quan Việt Nam rập khuôn theo nhà nước phong kiến ở phương Bắc và trước áp lực xâm lăng của ngoại bang vào giữa thế kỷ XIX đã áp dụng chính sách bế quan tỏa cảng và cấm đạo.

Vua Gia Long và Minh Mạng đã khước từ tổng cộng 30 đoàn ngoại giao và ngoại thương phương Tây muốn đặt quan hệ với Việt Nam. Chính sách bế quan tỏa cảng làm cho Việt Nam cô lập với thế giới bên ngoài và công thương nghiệp bị đình đốn nghiêm trọng.

Nhằm ngăn chặn sự mở rộng truyền bá đạo Thiên Chúa ở trong nước, vua Minh Mạng cho ban hành các chỉ dụ cấm đạo, truy nã ráo riết các thừa sai, điều này đã dẫn tới một hậu quả là máu của các thừa sai và giáo dân đã đổ.

Đến thời Tự Đức, việc cấm đạo càng gắt gao hơn khiến các thừa sai phải kêu gọi chính phủ Pháp can thiệp vào Việt Nam để giải cứu người theo Thiên Chúa giáo.

Ngoài hai chính sách đầy lỗi lầm trên, dưới thời triều Nguyễn tuy “trọng nông ức thương” nhưng nông dân vẫn bị bóc lột. Trong khi xã hội trở nên bất ổn vua Tự Đức cho xây thành ‘Vạn Niên Cơ’ tức Khiêm Lăng. Công việc sưu dịch xây lăng quá cực khổ, lại bị quan lại đánh đập tàn nhẫn, dẫn đến cuộc nổi loạn Chày Vôi của dân phu xây lăng.

Mặt khác vốn bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng Nho giáo, vua Tự Đức rất chú trọng đến văn chương thi phú, và xao lãng về quân sự và quốc phòng.

1.4.2 Còn về phần Triều thần

thì đám quan lại cũng giam mình trong giáo lý của Thánh hiền nên rất bảo thủ, xem phương Tây kém văn minh, quay lưng lại trước mọi trào lưu tiến hóa trên thế giới, khước từ mọi đề nghị cải cách đất nước, và không noi theo gương Nhật Bản và Thái Lan.

Gỗ cửa yêu cầu được tự do truyền đạo và buôn bán nhưng bị làm ngơ nên nhiều cuộc tấn công của hải quân Pháp vào Việt Nam đã diễn ra, mở đầu bằng cuộc bắn phá cửa biển Đà Nẵng năm 1856.

* Từ năm 1858 đến 1861 quân Pháp nhiều lần đánh phá Đà Nẵng và Gia Định và quân ta thảm bại trên khắp mặt trận, nhưng triều đình Huế vẫn tiếp tục bác bỏ những

yêu cầu của Pháp và Y Pha Nho được tự do truyền đạo và giao thương.

* Từ tháng 2/1861 đến tháng 3/1862 quân Pháp lần lượt đánh chiếm Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Bà Rịa và Vĩnh Long.

* Tiếp đến Pháp dùng tàu chiến phong tỏa đường biển, chặn nguồn tiếp tế lương thực từ đồng bằng sông Cửu Long ra Phú Xuân khiến triều đình Huế bị “chết nghẽn”. Bó tay nên vào tháng 04/1862 vua Tự Đức đề nghị xin mở cuộc hoà đàm và chấp nhận những điều kiện tiên quyết của Pháp đưa ra. Và đến đây thì vua quan triều Nguyễn giao cho Phan Thanh Giản sứ mạng cứu vãn tình thế nguy ngập của đất nước.

1.4.3 Phan Thanh Giản và sứ mạng cứu vãn tình thế tuyệt vọng của đất nước

a. Hòa ước Nhâm Tuất 1862

Phan Thanh Giản được vua Tự Đức cử làm Chánh sứ toàn quyền đại thần và Lâm Duy Thiếp làm Phó sứ để đàm phán với Pháp. Sau 4 ngày thương thuyết Việt Nam đồng ý nhường Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và Côn Đảo; bồi thường chiến phí 4 triệu đồng trả trong 10 năm, và chấp thuận cho người Pháp và Y Pha Nho được quyền tự do truyền đạo và buôn bán.

b. Đi sứ sang Pháp năm 1863 để chuộc 3 tỉnh miền Đông

Mặc dù Hòa ước Nhâm Tuất 1862 được phê chuẩn nhưng nhà vua vẫn tìm cách chuộc lại phần đất đã mất, nên triều đình Huế quyết định gửi sứ bộ sang Pháp và Y Pha Nho để thương thuyết. Phan Thanh Giản được cử làm Chánh sứ và Phạm Phú Thứ làm Phó sứ. Ở Paris Phan Thanh Giản đã trình lên Hoàng đế Napoleon III mục đích của sứ bộ là xin chuộc 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ. Vào ngày 17/07/1864 Aubaret đại diện cho Pháp tới Huế ký với Phan Thanh Giản một hòa ước mới, trong đó Pháp sẽ trả 3 tỉnh miền Đông cho Việt Nam.

Bị các tướng tá kịch liệt phản đối nên Hoàng đế Napoleon phải nhượng bộ và việc chuộc lại 3 tỉnh miền Đông bất thành. Sứ mạng không thành vì sự thắng thế của phe chủ chiến của Pháp chứ không phải vì cụ Phan không hết lòng.

c. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây và Phan Thanh Giản tuấn tiết

Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Chasseloup Laubat khẳng định: chiếm luôn các tỉnh miền Tây sẽ giúp ổn định toàn bộ Nam kỳ và mở đường sang Cao Miên, nên đầu năm 1867 quân Pháp đã làm xong kế hoạch, lập 8 Thanh tra tòa cho 3 tỉnh và bố trí nhân sự để chờ lệnh đến nơi làm việc. Ngày 15/06/1867 De la Grandière rời Sài Gòn xuống Vĩnh Long với 17 chiến hạm. Nửa đêm 19/06/1867 tới Vĩnh Long và sáng hôm sau ra lệnh cho Phan Thanh Giản phải nộp thành trong vòng 2 tiếng đồng hồ với lý do Pháp cần chiếm 3 tỉnh miền Tây để chấm dứt “phiến loạn” và “giặc cướp” mà triều đình bất lực trong việc ngăn chặn. Nghĩ rằng đụng độ tại chỗ với Pháp đây vũ khí tối tân là vô ích, chỉ làm tổn hại thêm quân lính, cụ Phan Thanh Giản ra lệnh không cho đánh trả. Pháp chiếm Vĩnh Long và trong các ngày kế tiếp thôn tính luôn hai thành An Giang và Hà Tiên.

Mất thành Vĩnh Long, cụ Phan Thanh Giản uống thuốc độc chấm dứt cuộc đời.

2. Xử trảm hậu cụ Phan Thanh Giản: Bản án bất công và oan nghiệt

Sau khi mất 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ, ngày 24/10/1867 vua Tự Đức xuống chiếu truyền truy cứu trách nhiệm của tất cả những quan chức liên quan đến việc làm mất sáu tỉnh Nam kỳ. Đầu năm 1869, nhà vua cho công bố bản án xử trảm hậu cụ Phan Thanh Giản. Thử hỏi phán quyết này của Tự Đức có đúng không?

Phan Thanh Giản được triều đình giao phó sứ mạng hòa đàm với Pháp, và cụ Phan ký Hòa ước Nhâm Tuất 1862 nhường 3 tỉnh miền Đông. Việc làm này của cụ xét ra đúng với thẩm định của vua Tự Đức và triều đình; vì trước đó khi cử Phan Thanh Giản làm Chánh sứ toàn quyền đại thần, vua tôi đã bàn định kỹ các khả năng, giải pháp kể cả việc “cắt đất”. Ngoài ra nếu Phan Thanh Giản ký hòa ước nhường đất cho Pháp trái ý vua thì tại sao vào năm 1863 chính vua Tự Đức đã phê chuẩn hòa ước. Và dấu sao trong Hòa ước Nhâm Tuất 1862, cụ Phan đã đòi lại được tỉnh Vĩnh Long và trong cái thế chiến trường tan nát ấy thì việc dành lại được một tỉnh cũng là một thắng lợi, tuy khiêm nhường; đúng ra phải được ghi công hơn là bắt tội. Vì thế việc vua Tự Đức kết tội cụ Phan “*đem 3 tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Định Tường cho người khác một cách dễ dàng*” là điều không hợp lý và oan nghiệt.

Về việc mất 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ, những văn bản của triều đình còn lưu lại cho thấy khi nhận được mật tin quân Pháp muốn chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ vua Tự Đức và triều đình thấy “thế đất (miền Tây) cheo leo, muốn giữ cho không lẫn cũng khó” nên đưa cụ Phan Thanh Giản vào Nam, không để chuẩn bị đánh nhau với quân Pháp, mà là hy vọng vào uy tín và tài ngoại giao của cụ để thuyết phục quân Pháp nghiêm chỉnh thi hành Hòa ước Nhâm Tuất 1862. Vì là một nhà thâm Nho nên nghĩ rằng không phải vũ lực mà nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mới đáng sợ nên khi giao cho cụ Phan Thanh Giản trọng trách này vua Tự Đức dặn dò như sau “*Lấy trung tín làm đầu thì cọp dữ cũng phải tránh qua; con cá sấu hung bạo cũng bơi xa. Mọi người đều phải nghe theo điều nhân nghĩa*”. Những chủ trương, và suy luận của triều đình như thế ắt dẫn đến hậu quả tất nhiên là không thể nào giữ được ba tỉnh miền Tây và giả sử vua Tự Đức có cử bất cứ nhà ngoại giao nào thì chắc chắn cũng không thuyết phục được Pháp từ bỏ ý đồ chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ.

Kính thưa toàn thể quý vị

Đa số chúng ta có mặt trong hội trường ngày hôm nay là những chứng nhân của lịch sử Việt Nam thời cận đại và hẳn không quên 2 sự kiện lịch sử quan trọng : Hiệp định Paris 1973 và biên cố lịch sử ngày 30/04/1975.

Ký hiệp định Paris 1973 dẫn đến sự sụp đổ toàn diện của chính thể Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nhận lãnh trách nhiệm của mình. Hai Ông Ngoại trưởng Phạm Đăng Lâm và Trần Văn Lắm lần lượt là Trưởng phái đoàn đàm phán của VNCH không hề bị khiển trách, và sau này được đề cử và tín nhiệm vào những chức vụ quan trọng khác: một Ông được bổ nhiệm Đại sứ VN tại Anh Quốc và một vị được bầu vào chức vụ Chủ tịch Thượng Nghị viện. Trái lại trong Hoà ước Nhâm Tuất 1862, thay vì phải liên đới chịu trách nhiệm trước dân tộc vì đã áp dụng những chính sách sai lầm trong việc giữ nước trước áp lực xâm lăng của quân Pháp, vua Tự Đức và triều đình lại đổ trút

tội lỗi lên vai vị Chánh sứ đại thần Phan Thanh Giản. Bất công nào bằng!

Còn về việc mất 3 tỉnh miền Tây vào tay quân Pháp thì bị kịch lịch sử này đã tái diễn khi các tỉnh vùng Hậu Giang và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa rơi vào tay quân đội Cộng sản Bắc Việt vào ngày 30/04/1975. Mặc dù sau đó có hàng trăm ngàn quân, cán, chánh Việt Nam Cộng Hòa phải bị tù đày và hơn triệu người bất chấp hiểm nguy bỏ xứ ra đi tìm tự do, nhưng hơn 40 năm trôi qua không hề có một tập thể hay phiên tòa nào kết án Tổng Thống Dương Văn Minh là hèn nhát, vì biết rằng quyết định của Ông ra lệnh cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa buông súng là hành động thức thời trước tình thế tuyệt vọng của đất nước, và thật sự quyết định này đã tránh được những đổ nát và chết chóc vô ích. Cán cân quân sự vào thời điểm 1975 nghiêng hẳn về phía lực lượng Cộng sản Bắc Việt và đó cũng là tình huống mà cụ Phan Thanh Giản đã gặp phải trước sức mạnh xâm lăng của quân đội Pháp có nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân, và lối đánh chưa từng có trong binh thư phương Đông. Và để tránh những tổn hại sinh mạng vô ích, Kinh lược sứ Phan Thanh Giản đã không đối đầu quân Pháp.

Thưa quý vị

Đến đây tôi xin tự hỏi:

Công lý nào có thể biện hộ cho phán quyết bất công đối với vị Đại thần suốt đời yêu nước thương dân? Phải chăng xử trảm hậu cụ Phan là chuyện “ Trăm đầu đổ đầu tầm” cốt để gỡ tội cho vua Tự Đức và đám triều thần bảo thủ đã thi hành những chánh sách sai lầm trước âm mưu xâm lăng của thực dân Pháp.

3. Càn Thơ với nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản

Năm 1885, vua Đồng Khánh xóa án trảm hậu và khôi phục hàm cũ là Hiệp tá Đại học sĩ cho cụ Phan, nhưng oan nghiệt vẫn tiếp tục bám riết cụ. 96 năm sau ngày tuần tiết vẫn không được nằm yên dưới đáy mồ, vì trong cuộc hội thảo lịch sử được tổ chức tại Hà Nội năm 1963, dưới sự chỉ đạo của Ông Trần Huy Liệu, cụ Phan Thanh Giản lại bị lôi ra tòa và bị kết án là kẻ hèn nhát dâng thành cho giặc Pháp, tên bán nước. Chính vì bản chất vu oan và thóa mạ này mà sau ngày 30/4/1975 ở miền Nam Việt Nam có những chỉ thị và hành động thất nhân tâm đối với cụ Phan - nào là tượng cụ Phan ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long bị bắn xuyên tim, bức tượng ở Bến Tre bị vùi lấp ở vũng lầy, bức tượng giữa sân trường Trung học Phan Thanh Giản Càn Thơ bị đập phá cùng với ngôi trường bị mất học hiệu, các con đường mang tên Phan Thanh Giản cũng bị thay tên - khiến quần chúng phẫn uất.

Trước những phê phán sai lầm này của giới sử học miền Bắc, người dân Càn Thơ mà đại diện là tập thể các cựu giáo sư và cựu học sinh trường Trung học Phan Thanh Giản Càn Thơ ở hải ngoại đã đồng hành với người dân hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre tích cực vận động, kiên nhẫn đòi hỏi nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXNCNVN) phải trả lại công bằng cho vị Tiến sĩ Nho học đất Nam kỳ. Và kết quả sau cùng là

3.1 Cụ Phan Thanh Giản được lịch sử tôn vinh

Ngày 20/01/2008 Viện Sử học phúc đáp công văn của Cục Di sản Văn hóa CHXNCNVN về việc đánh giá sự nghiệp công lao đóng góp của cụ Phan Thanh Giản có ý kiến trả lời như sau:

“.....Về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu..... các nhà sử học đánh giá cao về công lao của ông trên nhiều lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hóa. Với nhận thức mới trên quan điểm lịch sử cụ thể, nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản xứng đáng được tôn vinh.....”

Viện Trưởng
Nguyễn Văn Nhật

3.2 Tôn tạo các di tích cụ Phan

Dựa trên những kết luận đánh giá của Viện Sử học, ngày 24/01/2008 Cục Di sản Văn hóa đã có công văn cho phép tôn vinh Phan Thanh Giản và trên cơ sở đó kiểm kê các di tích liên quan đến nhân vật, lập kế hoạch tu bổ, tôn tạo.

Vào tháng 5/2008 GS Nguyễn Trung Quân và tôi đã về Việt Nam: ở Hà Nội chúng tôi tiếp xúc với TS Nguyễn Quốc Hùng, Cục Phó Thường trực, Cục Di sản Văn hóa, GS Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và nhà sử học Dương Trung Quốc, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký, và ở Cần Thơ tham dự buổi họp đặc biệt của Hội đồng Nhân dân Thành phố Cần Thơ để thảo luận và triển khai công việc bảo tồn, tôn tạo các di tích cụ Phan trong đó có ngôi trường Trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ.

Trước tin vui cụ Phan được lịch sử tôn vinh, tôi tham gia chương trình “Mỗi người một giọt đồng dựng tượng cho Danh nhân” do Tạp chí Xưa & Nay, Cơ quan ngôn luận của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, chủ trương để bảo tồn và tôn tạo các di tích Phan Thanh Giản.

- Vào ngày 05/8/2008 tượng cụ Phan Thanh Giản do Ông Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ Tướng Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phụng hiến, đã được an vị ở Văn Thánh Miếu, Vĩnh Long. Vì vừa từ Việt Nam trở về Sydney vào cuối tháng 5 nên tôi đã đề nghị Ban tổ chức mời một số cựu giáo sư và cựu học sinh của trường Trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ sang tham dự buổi lễ khánh tượng này.
- Năm sau vào ngày 18/4/2009 tôi và Kim Chung về Việt Nam tham dự lễ an vị tượng cụ Phan - do chúng tôi phụng hiến - tổ chức tại trường Trung học Phan Thanh Giản ở quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
- Đến ngày 26/ 8/2017 tới đây, thêm một tượng cụ Phan - cũng do chúng tôi phụng hiến - sẽ được an vị tại Ngôi Miếu thờ cụ trong khuôn viên Lăng Đức Tả quân Lê Văn Duyệt, Sài Gòn; tôi và Kim Chung sẽ về Việt Nam tham dự buổi lễ này.

3.3 Bảo tồn kiến trúc trường Trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ

Cần Thơ có ngôi trường lớn nhất ở miền Hậu giang mang tên vị Kinh lược sứ, được xây vào năm 1917 nay đã hư hỏng xuống cấp nên không đảm bảo an toàn cho giảng dạy. Giới hữu trách của Thành Phố Cần Thơ sau nhiều lần họp bàn đã có quyết định đập bỏ xây mới hoàn toàn. Vì ngôi trường có giá trị lịch sử và được sự ủng hộ của giới sử học, Hội đồng Di sản Văn hóa, các giáo sư chuyên gia kiến trúc trong nước nên tôi đã đề nghị và được lãnh đạo Thành Phố Cần Thơ cứu xét chấp thuận để một dãy lầu được giữ nguyên và trùng tu. Hy vọng trong tương lai chúng ta sẽ nhìn thấy tên họ vị Tiến sĩ Nho học đất Nam kỳ ghi trong danh hiệu của di tích lịch sử này.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Tưởng niệm cụ Phan mà không nhắc đến nhân cách và lối sống của cụ là điều thiếu sót lớn lao vì

4. Nhân phẩm Phan Thanh Giản là những bài học cho thế hệ mai sau

Cụ Phan Thanh Giản có tính ngay thẳng cương trực, không phù hợp mấy với nếp truyền thống vua chúa thời phong kiến vì thế trong cuộc đời quan lộ có những bước thăng trầm: có lúc bị cách chức, bị giáng chức. Nhưng trong bất cứ cương vị nào ông cũng luôn luôn trung thành, mẫn cán, lo làm tròn sứ mạng phò vua, giúp nước. Ngoài tài năng, phẩm giá đáng quý, ở cụ Phan là tấm lòng yêu nước thương dân, và cuộc sống cần kiệm thanh bạch. Làm quan có lúc đến nhất phẩm triều đình, nhưng quyền lực và danh vọng không làm ông bị tha hóa như nhiều quan chức khác, trước sau ông vẫn giữ nhân cách cao đẹp của mình.

Những năm 1843, 1849, 1852, 1853, 1859 cụ Phan Thanh Giản dâng sớ lên vua Thiệu Trị và Tự Đức nêu lên thực trạng của đất nước về kinh tế, xã hội và đề xuất yêu cầu “cải cách chốn quan trường”, “dựa vào pháp luật mà cai trị”, “chữa hồi bệnh đau khổ của nhân dân”, “nuôi dân chăm cày cấy”, “nuôi quân trừ phương lược”.....

Khi đi Pháp về, tầm mắt của cụ được mở rộng, cụ đã kêu gọi bá quan văn võ mau thức tỉnh canh tân đất nước trong bài Tự Thán:

*Từ ngày đi sứ đến Tây Kinh
Thấy việc Âu Châu phải giật mình
Kêu rú đồng ban mau thức dậy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.*

và cụ khuyên vua mở cửa giao thiệp với các nước bạn, giao thương với nước ngoài, cho dân xuất dương du học. Đó cũng là những việc sau này Nguyễn Trường Tộ và Phan Châu Trinh đề xướng.

Nhân cách và lối sống của cụ Phan cao đẹp như thế nên dù ở bất cứ giai đoạn lịch sử nào cũng là những tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

Thật vậy mỗi đức tính Thanh Liêm của cụ cũng là bài học quý báu cho xã hội Việt Nam ngày nay vì giờ đây “Tham Nhũng” đã trở thành một “Quốc Nạn”.

42 năm trôi qua nơi quê nhà dân chúng tuy sống trong an bình, nhưng xã hội vẫn chưa phồn vinh vì nền kinh tế còn ọp ẹp, quá lệ thuộc vào Trung Quốc, không sánh bằng một số nước trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt khi so với Hàn Quốc.

Ngoài ra ngày nay mặc dù trên quê hương Việt Nam đã im tiếng súng, nhưng hiểm họa ngoại xâm từ phương Bắc vẫn còn đó, an ninh và chủ quyền biển đảo ở Biển Đông là vấn đề thời sự nóng bỏng, nên một số điều cụ Phan Thanh Giản đã đề xuất với vua Thiệu Trị, Tự Đức ngày trước trong các sớ tâu, như “lấy ý dân để sửa đổi chánh pháp”, “cải cách việc tuyển dụng quan lại”, đáng kể nhất là “tư tưởng canh tân xứ sở để nước nhà thịnh vượng và hùng mạnh” vẫn còn có giá trị cho đất nước Việt Nam và đối với những ai còn nặng lòng với tổ quốc, quan tâm đến sự phát triển xứ sở, toàn vẹn lãnh thổ lãnh hải và tiền đồ của dân tộc.

Trân trọng kính chào toàn thể quý vị